BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ QUỐC PHÒNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 96/2017/TT-BQP	*Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2017*

THÔNG TƯ
Quy định về định mức giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học đối với nhà giáo trong Quân đội nhân dân Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 35/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục; Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục; Nghị định số 07/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 01 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi Điểm b Khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 141/2013/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 36/2014/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức giảng dạy trong các cơ sở giáo dục đại học công lập;

Theo đề nghị của Tổng Tham mưu trưởng,

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Thông tư quy định về định mức giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học đối với nhà giáo trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về định mức giờ chuẩn giảng dạy và nghiên cứu khoa học đối với giảng viên, giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục kiêm nhiệm giảng

dạy, cán bộ viện, nghiên cứu viên của các viện thuộc các học viện khi tham gia giảng dạy (sau đây gọi chung là nhà giáo) trong Quân đội nhân dân Việt Nam.

2. Thông tư này áp dụng đối với các học viện, trường đại học, trường sĩ quan, trường cao đẳng, trung cấp giáo dục nghề nghiệp, trường quân sự (sau đây gọi chung là nhà trường Quân đội) có tổ chức đào tạo theo quy định của pháp luật và các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan; không áp dụng đối với nhà giáo giảng dạy tại các trường mầm non, giáo dục phổ thông, trung tâm giáo dục quốc phòng, an ninh.

3. Nhà giáo trong thời gian nghỉ thai sản, chữa bệnh dài ngày được giảm trừ theo tỷ lệ tương ứng với thời gian nghỉ hưởng trợ cấp bảo hiểm xã hội. Nhà giáo nữ có con nhỏ dưới 36 tháng được giảm trừ nhiệm vụ theo tỷ lệ tương ứng với thời gian làm việc được giảm trừ theo quy định hiện hành của Bộ Luật lao động.

Điều 2. Mục đích

1. Nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giảng dạy, nghiên cứu khoa học; đảm bảo tính công khai, công bằng, dân chủ trong việc thực hiện chế độ, chính sách, quyền và nghĩa vụ của nhà giáo.

2. Làm căn cứ để Thủ trưởng nhà trường Quân đội phân công, bố trí, sử dụng, đánh giá, xếp loại nhà giáo hàng năm; cơ quan quản lý giáo dục kiểm tra, thẩm định, đánh giá, xây dựng chính sách, chương trình đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo.

3. Làm cơ sở để nhà giáo xây dựng kế hoạch giảng dạy, nghiên cứu khoa học và học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

Chương II
GIỜ CHUẨN GIẢNG DẠY VÀ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

Điều 3. Giờ chuẩn giảng dạy

1. Giờ chuẩn giảng dạy (sau đây gọi chung là giờ chuẩn) là đơn vị thời gian quy đổi để thực hiện một công việc tương đương cho 01 tiết (45 phút) giảng lý thuyết trực tiếp trong giảng đường.

2. Định mức giờ chuẩn đối với nhà giáo trong một năm học

a) Nhà giáo công tác tại các học viện, trường sĩ quan, trường đại học, trường cao đẳng là 270 giờ chuẩn.

b) Nhà giáo của các trường trung cấp, trường quân sự quân khu, quân đoàn, Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, trường quân sự tỉnh, thành phố là 300 giờ chuẩn.

c) Thủ trưởng các nhà trường quy định định mức giờ chuẩn cho phù hợp đối với đào tạo phi công, tàu ngầm, lái xe tăng, thiết giáp, đặc công, tên lửa, trên cơ sở tính chất, đặc điểm và điều kiện lao động sư phạm, nhưng không vượt quá định mức giờ chuẩn của quy định này.

d) Giờ chuẩn trực tiếp trên lớp chiếm tối thiểu 50% định mức quy định.

3. Nhà giáo trong thời gian tập sự, thử việc chỉ thực hiện tối đa 50% định mức giờ chuẩn quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Thông tư này.

Điều 4. Quy đổi ra giờ chuẩn

1. Một tiết giảng lý thuyết hoặc tích hợp (cả lý thuyết và thực hành) trong giảng đường cho 01 lớp học được tính bằng 1,0 giờ chuẩn. Một tiết giảng lý thuyết ngoài thao trường, bãi tập, trong xưởng sản xuất cho 01 lớp học được tính bằng 1,2 giờ chuẩn.

2. Một tiết hướng dẫn bài tập, thực hành, thí nghiệm, thảo luận trong giảng đường được tính tối đa 1,0 giờ chuẩn. Một tiết giảng thực hành ban ngày ngoài thao trường, bãi tập, trong xưởng sản xuất như: Diễn tập có bắn đạn thật, chiến thuật, chỉ huy tham mưu, luyện tập tổng hợp, huấn luyện dã ngoại, luyện tập kỹ thuật, thực hành tay nghề thuộc các môn học chiến thuật, kỹ thuật quân sự, quân sự chung, môn chuyên ngành được tính bằng 1,2 giờ chuẩn.

3. Một tiết giảng ban đêm, trừ thời gian hành quân dã ngoại hoặc rèn luyện thể lực được tính bằng 1,2 giờ chuẩn.

4. Một tiết giảng chuyên đề, giảng lý thuyết cho các lớp đào tạo trình độ thạc sĩ được tính bằng 1,5 giờ chuẩn, cho các lớp đào tạo trình độ tiến sĩ được tính bằng 2,0 giờ chuẩn.

5. Một tiết giảng bằng tiếng nước ngoài đối với môn học không phải là môn ngoại ngữ được tính bằng 2,0 giờ chuẩn.

6. Một tiết giảng cho lớp học trong môi trường đặc thù quân sự như: Đào tạo phi công, tàu ngầm, lái xe tăng, xe thiết giáp, tên lửa, đặc công, giảng dạy trong pháo tự hành, xe chuyên dụng quân sự, diễn tập có bắn đạn thật, trên cơ sở tính chất, đặc điểm và điều kiện lao động sư phạm, Thủ trưởng các trường vận dụng quy đổi giờ chuẩn cụ thể nhưng không vượt quá 2,0 giờ chuẩn.

7. Hướng dẫn tham quan học tập, thực tập, thực tế của học viên: Một ngày làm việc được tính tối đa 2,5 giờ chuẩn.

8. Hướng dẫn 01 bài tập lớn (bài tập điều kiện bắt buộc mang tính đặc thù của môn học) được tính tối đa 0,5 giờ chuẩn. Hướng dẫn đồ án môn học được tính tối đa 01 giờ chuẩn cho một đồ án. Hướng dẫn làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp đại học được tính tối đa 25 giờ chuẩn cho một đồ án, khóa luận.

9. Hướng dẫn luận văn thạc sĩ được tính tối đa 70 giờ chuẩn cho một luận văn.

10. Hướng dẫn luận án tiến sĩ được tính tối đa 200 giờ chuẩn cho một luận án, trong đó người hướng dẫn thứ nhất được tính 120 giờ chuẩn, người hướng dẫn thứ hai được tính 80 giờ chuẩn.

11. Đọc và nhận xét đồ án, khóa luận tốt nghiệp đại học được tính tối đa 05 giờ chuẩn cho một đồ án, khóa luận.

12. Đọc và nhận xét luận văn thạc sĩ được tính tối đa 10 giờ chuẩn cho một luận văn.

13. Đọc và nhận xét luận án tiến sĩ được tính tối đa 20 giờ chuẩn cho một luận án.

14. Mỗi ủy viên hội đồng chấm, đánh giá: 01 bài tập lớn được tính tối đa 0,2 giờ chuẩn; 03 đồ án môn học được tính 01 giờ chuẩn; 01 đồ án, khóa luận tốt nghiệp đại học được tính tối đa 1,5 giờ chuẩn.

15. Mỗi ủy viên hội đồng chấm, đánh giá: 01 luận văn thạc sĩ (có bản nhận xét) được tính tối đa 03 giờ chuẩn; 01 luận án tiến sĩ (có bản nhận xét) được tính tối đa 05 giờ chuẩn.

16. Thủ trưởng nhà trường quy định việc quy đổi thời gian thực hiện nhiệm vụ ra đề thi, làm đáp án thi, tham gia hội đồng thi, coi thi, chấm thi kết thúc học phần, môn học, thi giảng viên, giáo viên dạy giỏi cấp cơ sở, thi tốt nghiệp khóa học trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học, huấn luyện hội thi, hội thao, huấn luyện đội tuyển thi đấu các nội dung.

Điều 5. Định mức giờ chuẩn đối với nhà giáo giữ chức vụ lãnh đạo, chỉ huy, quản lý, công tác đoàn thể trong nhà trường

1. Định mức giờ chuẩn đối với nhà giáo giữ chức vụ lãnh đạo, chỉ huy, quản lý, công tác đoàn thể trong nhà trường được tính theo tỷ lệ % của định mức giờ chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Thông tư này như sau:

a) Giám đốc (hiệu trưởng), chính ủy: 10%.

b) Phó giám đốc (Phó hiệu trưởng), Phó chính ủy: 15%.

c) Trưởng phòng (tương đương): 25%.

d) Phó trưởng phòng, trưởng ban và tương đương: 30%.

đ) Chủ nhiệm khoa (tương đương) giữ chức vụ bí thư đảng bộ (chi bộ): 50%; giữ chức vụ Phó bí thư: 60%; còn lại: 70%.

e) Phó chủ nhiệm khoa (tương đương) giữ chức vụ bí thư đảng bộ (chi bộ): 60%; giữ chức vụ phó bí thư: 65%; còn lại: 75%.

g) Chủ nhiệm bộ môn giữ chức vụ bí thư chi bộ, trợ lý khoa: 75%; chủ nhiệm bộ môn (không giữ chức vụ bí thư chi bộ): 80%.

2. Nhà giáo kiêm nhiệm nhiều chức vụ thì áp dụng định mức giờ chuẩn thấp nhất trong số các chức vụ kiêm nhiệm quy định tại Điều 5 của Thông tư này.

Điều 6. Nghiên cứu khoa học

1. Định mức thời gian nghiên cứu khoa học đối với nhà giáo trong một năm học

a) Nhà giáo công tác tại các học viện, trường sĩ quan, trường đại học, trường cao đẳng là 360 giờ chuẩn.

b) Nhà giáo công tác tại các trường trung cấp, trường quân sự quân khu, quân đoàn, Trường Quân sự Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, trường quân sự tỉnh, thành phố là 200 giờ chuẩn.

2. Các nhà trường Quân đội giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học cho nhà giáo phải phù hợp với điều kiện, tiềm lực khoa học, định hướng phát triển hoạt động khoa học, công nghệ của nhà trường và phù hợp với năng lực chuyên môn của nhà giáo.

3. Hàng năm, nhà giáo được công nhận hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học khi đạt được một trong các tiêu chí sau đây:

a) Chủ trì, tham gia một đề tài hoặc sáng kiến khoa học cấp khoa (tương đương) trở lên.

b) Ít nhất một bài báo khoa học được công bố trên tạp chí khoa học có phản biện hoặc một báo cáo khoa học tại hội thảo khoa học chuyên ngành.

c) Chủ biên, tham gia biên soạn và được đánh giá đạt yêu cầu trở lên ít nhất một giáo trình, tài liệu điều lệnh, điều lệ tác chiến, chiến đấu cấp cơ sở trở lên.

d) Quy đổi thời gian nghiên cứu khoa học sang giờ chuẩn đạt được định mức thời gian nghiên cứu khoa học theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Thông tư này.

4. Nếu nhà giáo không hoàn thành định mức quy định tại Khoản 1, Khoản 3 Điều này, thì Thủ trưởng nhà trường căn cứ mức độ, xem xét từng trường hợp cụ thể để đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ trong năm học, xếp loại thi đua và giải quyết các chế độ chính sách có liên quan; nếu vượt định mức nghiên cứu khoa học thì ngoài việc xem xét khen thưởng, Thủ trưởng nhà trường quyết định tính vào định mức giờ giảng cho các nhà giáo.

Điều 7. Quy đổi thời gian nghiên cứu khoa học sang giờ chuẩn, thời gian nghiên cứu khoa học chưa sử dụng hết sang thời gian giảng dạy

1. Tham gia biên soạn giáo trình, tài liệu cấp khoa trở lên, thẩm định, sửa chữa, biên tập, hiệu đính, đọc và nhận xét giáo trình, tài liệu các cấp

a) Tham gia biên soạn giáo trình, tài liệu cấp khoa trở lên: 01 trang (350 từ) được tính bằng 1,2 giờ chuẩn, 01 trang có hình vẽ được tính bằng 1,0 giờ chuẩn.

b) Thẩm định, sửa chữa, biên tập, hiệu đính, đọc và nhận xét giáo trình, tài liệu cấp khoa (tương đương): 01 trang được tính bằng 0,1 giờ chuẩn; cấp trường (tương đương) trở lên: 01 trang được tính bằng 0,2 giờ chuẩn.

2. Nghiên cứu khoa học

a) Bài báo khoa học không có phản biện đăng trên tạp chí khoa học có chỉ số ISS, mỗi trang (350 từ) được tính bằng 15 giờ chuẩn.

b) Bài hội thảo được đăng trên kỷ yếu cấp học viện, nhà trường trực thuộc Bộ, các quân, binh chủng và tương đương, mỗi trang (350 từ) được tính bằng 10 giờ chuẩn.

c) Một nhà giáo hướng dẫn một đề tài nghiên cứu khoa học của học viên, nếu kết quả đạt khá được tính 10 giờ chuẩn; đạt xuất sắc được tính 25 giờ chuẩn.

d) Nhà giáo trực tiếp hướng dẫn học viên đạt giải các cuộc thi Olympic, hội thi tay nghề toàn quốc hoặc tuổi trẻ sáng tạo cấp Bộ Quốc phòng, dự thi Robocon toàn quốc lọt vào vòng 2 (cấp khu vực) trở lên được tính 50 giờ chuẩn.

đ) Một nhà giáo đọc và nhận xét 01 đề cương đề tài, sáng kiến được tính bằng 05 giờ chuẩn.

e) Một nhà giáo đọc và nhận xét 01 bản thảo đề tài, sáng kiến được tính bằng 10 giờ chuẩn.

g) Một thành viên họp hội đồng nghiệm thu 01 đề tài, sáng kiến được tính 2,0 giờ chuẩn.

3. Cách tính quy đổi thời gian nghiên cứu khoa học chưa sử dụng hết như sau: Thời gian chưa sử dụng hết bằng thời gian định mức nghiên cứu khoa học trừ thời gian đã sử dụng.

4. Nếu nhà giáo không sử dụng hết định mức thời gian nghiên cứu khoa học thì phải chuyển thời gian đó sang thời gian làm công tác giảng dạy, cộng thêm vào định mức thời gian giảng dạy.

Điều 8. Quy định cách tính vượt định mức giờ chuẩn

1. Thời gian vượt định mức giờ chuẩn được tính chung cho bộ môn hoặc khoa chỉ có 01 bộ môn.

2. Cách tính vượt định mức giờ chuẩn của bộ môn (khoa) như sau: Tổng số giờ chuẩn vượt định mức bằng tổng số giờ chuẩn thực hiện trong năm trừ tổng số giờ chuẩn phải thực hiện theo định mức quy định.

3. Bộ môn xác định giờ chuẩn vượt định mức cho từng nhà giáo, tổng hợp báo cáo Thủ trưởng nhà trường xem xét, quyết định.

4. Số giờ giảng dạy sau đại học, đọc và nhận xét, hướng dẫn, chấm thi khóa luận tốt nghiệp, luận văn thạc sĩ, luận án tiến sĩ, coi thi, chấm thi tốt nghiệp các khóa đào tạo, thời gian diễn tập chỉ huy cấp chiến dịch, chiến thuật tổng hợp trong chương trình đào tạo cơ bản của các nhà trường theo quy định của Bộ Quốc phòng hoặc cấp có thẩm quyền quy định thì được tính vào định mức thời gian giảng dạy, nhưng nếu vượt định mức giờ chuẩn thì các giờ đó không được thanh toán tiền bồi dưỡng vượt định mức giờ chuẩn.

5. Nhà giáo được cơ sở ngoài nhà trường mời giảng thì thời gian giảng dạy đó không tính vào định mức giờ chuẩn.

Điều 9. Chế độ được hưởng khi vượt định mức giờ chuẩn

1. Nhà giáo vượt định mức giờ chuẩn thì được hưởng chế độ bồi dưỡng vượt định mức giờ chuẩn theo quy định.

2. Tiền bồi dưỡng đối với nhà giáo vượt định mức giờ chuẩn được thanh toán theo quy định của Bộ Quốc phòng; số giờ được thanh toán không vượt quá định mức giờ chuẩn theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 và Điều 5 Thông tư này.

3. Đối với cán bộ quản lý trong các nhà trường Quân đội, nếu có đủ điều kiện theo quy định và trực tiếp giảng dạy 25% định mức giờ chuẩn trở lên, thì được xem xét, công nhận là nhà giáo kiêm chức và được hưởng các chế độ chính sách như đối với nhà giáo.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm của các nhà trường Quân đội

Căn cứ quy định tại Thông tư này và đặc thù của từng bộ môn, chuyên ngành, điều kiện thực tiễn của nhà trường để ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết định mức giờ giảng và nghiên cứu khoa học của nhà giáo.

Điều 11. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 6 năm 2017.

2. Khi Thông tư này có hiệu lực, bãi bỏ Quyết định số 744/QĐ-TM ngày 05 tháng 12 năm 1994 của Tổng Tham mưu trưởng quy định về nhiệm vụ và định mức thời gian làm việc của giáo viên các trường Quân đội.

Tổng Tham mưu trưởng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trung tướng Phan Văn Giang